TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: **68**/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 25/09/2025

" V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Chữ;

2. Bà Vũ Thị Mai;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXX- ST ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐ-HPT ngày 12/09/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1987; Số CCCD: 019087006294; Địa chỉ thường trú: Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện tại: 5-20-201, Higashisumiyoshi-ko. Osaka-shi, Osaka-fu, Nhật Bản. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị La Thị D, sinh năm 1988; Số CCCD: 024188020497; Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị La Thị D vào tháng 6 năm 2009, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 18/6/2009; Cưới xong chị D về chung sống cùng với gia đình anh luôn tại xóm C, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Từ cuối năm 2018 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, rạn nứt về tình cảm, gia đình thường xuyên xảy ra bất hòa cãi nhau n hiều lần. Tháng 9/2019 cho đến nay anh sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Anh và chị D kể từ đó cũng không liên lạc với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D cũng đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh).

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 03 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 28/10/2009, cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 28/07/2013 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/9/2019. Hiện nay cháu T, cháu Đ đang ở cùng với anh và bà nội của cháu, cháu H hiện nay đang ở cùng với chị D. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Đ cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, còn cháu H sẽ do chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Chị La Thị D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2025, bà Nguyễn Thị H1 mẹ của chị La Thị D trình bày: Hiện nay chị D vẫn có hộ khẩu và chung sống cùng nhà với gia đình bà. Hiện nay, chị D đang đi làm công ty ở tỉnh Quảng Ninh khoảng 3-4 tháng chị D mới về nhà một lần, hiện nay địa chỉ làm việc cụ thể tại tỉnh Quảng Ninh bà không nắm được; giữa gia đình và chị D hàng ngày thườn xuyên liên lạc với nhau qua Zalo. Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gia đình đã nhận được và đã thông báo qua Zalo cho chị D biết nhưng chị D bảo bận công việc nên không về được và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Chị D kết hôn cùng với anh X vào năm 2009, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình chung sống anh X và chị D có 03 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 28/10/2009, cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 28/07/2013 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/9/2019. Hiện nay, cháu T và cháu Đ đang ở cùng bố còn cháu H đang ở cùng mẹ. Quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do anh X không chung thủy và cả hai đã ly thân nhau từ tháng 10/2019 cho đến nay. Từ khi ly thân chị D về ở cùng gia đình bà, nay anh X xin ly hôn chị D bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Qua trao đổi điện thoại, chị D cũng nhất trí quan điểm như bà trình bày, chị D bảo toàn bộ giấy tờ Tòa án gửi về cho bà và bà cam kết sẽ thông tin toàn bộ nội dung văn bản của Tòa án gửi cho bà liên quan đến việc anh X1 yêu cầu ly hôn cho chị D.

[3]. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không chấp hành đến Tòa án đến Tòa án giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn X và chị La Thị D được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 28/07/2013 cho anh Nguyễn Văn X1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/9/2019 cho chị La Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh X, chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn X có địa chỉ trước khi xuất cảnh là xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú hiện nay là 5-20-201, Higashisumiyoshi-ko. Osaka-shi, Osaka-fu, Nhật Bản. Bị đơn chị La Thị D hiện đang cư trú tại xã S, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản: Giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Anh X vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X, chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên cần áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn X có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Đức C, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh là người nhận văn bản tố tụng cho anh X.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X và chị La Thị D trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 18/6/2009; Cưới xong chị D về chung sống cùng với gia đình anh X luôn tại xóm C, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Nay là Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị D là hợp pháp.

Từ cuối năm 2018 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, rạn nứt về tình cảm nên hay cãi nhau. Tháng 9/2019 cho đến nay anh X sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Anh X và chị D kể từ đó cũng không liên lạc với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D cũng đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh. Chị D biết việc anh X làm đơn xin ly hôn và đồng ý ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Anh X và chị D đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, anh X và chị D đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh X, cho anh X và chị D được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh X và chị D có 03 con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 28/10/2009, cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 28/07/2013 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/9/2019. Nếu ly hôn anh X có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu Đ; chị D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Chị D không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thu

thập được lời khai của chị D. Tuy nhiên, do hiện nay cả 02 cháu T, Đ đều đang ở cùng anh X và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với bố nên yêu cầu của anh X là hợp tình, hợp lý; Đồng thời, cháu H hiện nay vẫn còn dưới 07 tuổi và đang ở cùng với mẹ. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho anh Nguyễn Văn X được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Nguyễn Đình T và cháu Nguyễn Đình Đ; chị La Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia H. Về cấp dưỡng nuôi con anh X, chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là hợp lý theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 anh X1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh X đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn X và chị La Thị D được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 28/10/2009 và cháu Nguyễn Đình Đ sinh ngày 28/07/2013; Giao cho chị La Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/9/2019. Về cấp dưỡng nuôi do anh X, chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền anh X đã nộp tiền tạm ứng án phí DSST 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003642 ngày 04/08/2025, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh; (Xác nhận anh X đã nộp đủ số tiền 300.000đ)

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết; Anh X đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV 5 – Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn